QUỐC HỘI	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Nghị quyết số: 28/2026/QH16

NGHỊ QUYẾT
Về phát triển văn hóa Việt Nam

QUỐC HỘI

Căn cứ Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị quyết số 203/2025/QH15;

Căn cứ Luật Tổ chức Quốc hội số 57/2014/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 65/2020/QH14 và Luật số 62/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 87/2025/QH15.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định một số cơ chế, chính sách phát triển văn hóa Việt Nam.

Điều 2. Ngày Văn hóa Việt Nam

1. Ngày 24 tháng 11 hằng năm là Ngày Văn hóa Việt Nam; người lao động được nghỉ làm việc và hưởng nguyên lương.

2. Miễn hoặc giảm phí, lệ phí dịch vụ tham quan tại các cơ sở văn hóa, thể thao công lập vào Ngày Văn hóa Việt Nam theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

3. Khuyến khích Nhân dân, đặc biệt là thanh niên, trẻ em tham gia các hoạt động văn hóa vào các ngày lễ lớn của dân tộc và đất nước.

Điều 3. Nguồn lực phát triển văn hóa

1. Nhà nước bảo đảm chi cho văn hóa hằng năm tối thiểu 2% tổng chi ngân sách nhà nước và tăng dần theo yêu cầu phát triển để thực hiện chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước trong từng thời kỳ.

2. Khuyến khích huy động nguồn lực xã hội cho phát triển văn hóa.

Điều 4. Cơ chế, chính sách thu hút nguồn lực đầu tư phát triển văn hóa

1. Hình thành cụm, khu công nghiệp sáng tạo văn hóa là khu vực có ranh giới địa lý xác định, tập trung các tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân hoạt động trong lĩnh vực công nghiệp văn hóa, được đầu tư xây dựng nhằm liên kết các không gian sáng tạo, nghiên cứu và phát triển, thử nghiệm, sản xuất, phân phối, thương mại hóa các sản phẩm, dịch vụ văn hóa; hỗ trợ đào tạo văn hóa, nghệ thuật,

giải trí, dịch vụ văn hóa, cung cấp hạ tầng, cung ứng dịch vụ hỗ trợ khác có liên quan để tạo thành hệ sinh thái công nghiệp văn hóa, giải trí đồng bộ, hiện đại dựa trên nền tảng công nghệ cao và các mô hình kinh doanh đổi mới sáng tạo.

2. Hình thành, phát triển tổ hợp sáng tạo văn hóa là khu phức hợp các công trình, không gian, hạ tầng kỹ thuật để cho thuê, khai thác, sử dụng nhằm phát triển công nghiệp văn hóa kết hợp với mục tiêu thương mại, dịch vụ tại khu đô thị, khu dân cư, khu du lịch văn hóa hoặc tại cụm, khu công nghiệp, nhà máy hoặc công trình khác được chuyển đổi công năng thành tổ hợp sáng tạo văn hóa.

3. Tổ chức, cá nhân đầu tư vào cụm, khu công nghiệp sáng tạo văn hóa theo quy định tại khoản 1 Điều này được hưởng các chính sách hỗ trợ tiếp cận đất đai, mặt bằng sản xuất, kinh doanh phù hợp theo quy định tại Điều 7 của Nghị quyết số 198/2025/QH15 của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc biệt phát triển kinh tế tư nhân.

4. Tổ chức, cá nhân đầu tư vào hạ tầng số, phát triển các giải pháp công nghệ cao cho văn hóa và phát triển trọng tâm một số ngành, lĩnh vực công nghiệp văn hóa, bao gồm: du lịch văn hóa; điện ảnh; nghệ thuật biểu diễn; mỹ thuật; trò chơi điện tử trên mạng có nội dung giáo dục, tuyên truyền, quảng bá giá trị văn hóa, lịch sử Việt Nam, được hỗ trợ thuế thu nhập như sau:

a) Miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong thời hạn 02 năm và giảm 50% số thuế phải nộp trong 04 năm tiếp theo đối với thu nhập từ hoạt động văn hóa của doanh nghiệp. Việc xác định thời gian miễn thuế, giảm thuế thực hiện theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp;

b) Miễn thuế thu nhập cá nhân, thuế thu nhập doanh nghiệp đối với khoản thu nhập từ chuyển nhượng cổ phần, phần vốn góp, quyền góp vốn, quyền mua cổ phần, quyền mua phần vốn góp vào doanh nghiệp đối với hoạt động văn hóa;

c) Miễn thuế thu nhập cá nhân trong thời hạn 02 năm và giảm 50% số thuế phải nộp trong 04 năm tiếp theo đối với thu nhập từ tiền lương, tiền công của chuyên gia, nhà khoa học nhận được từ hoạt động văn hóa của doanh nghiệp.

5. Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định giao tổ chức tự quản của cộng đồng dân cư quản lý, vận hành, khai thác, sử dụng thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở; kiểm tra, giám sát bảo đảm hoạt động thường xuyên, hiệu quả.

Danh mục thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở và trình tự, thủ tục, trách nhiệm quản lý, vận hành, khai thác, sử dụng thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định.

6. Chính phủ quy định chi tiết khoản 1 và khoản 2 Điều này.

Điều 5. Cơ chế ưu đãi đầu tư trong lĩnh vực văn hóa

1. Sản xuất phim, phát hành phim, phổ biến phim; triển lãm; dịch vụ luyện tập, thi đấu thể dục, thể thao cho người khuyết tật hoặc thể thao chuyên nghiệp; hoạt động nghệ thuật biểu diễn không thuộc trường hợp quy định tại điểm k khoản 2 Điều 9 của Luật Thuế giá trị gia tăng được hưởng mức thuế suất thuế giá trị gia tăng 5%.

2. Các tác phẩm nghệ thuật đỉnh cao, di sản văn hóa của Việt Nam đáp ứng được tiêu chí bảo vật quốc gia, cổ vật quý hiếm có giá trị đang ở nước ngoài được tổ chức, cá nhân mua, đấu giá, đưa về Việt Nam không vì mục đích lợi nhuận để trưng bày theo quy định của Luật Di sản văn hóa hoặc tặng cho, chuyển giao quyền sở hữu cho Nhà nước:

a) Được miễn 100% thuế nhập khẩu, phí hải quan;

b) Là đối tượng không chịu thuế giá trị gia tăng.

Trường hợp tác phẩm nghệ thuật đỉnh cao, cổ vật quý hiếm đã được hồi hương về nước, nhưng chủ sở hữu không chuyển nhượng cho Nhà nước mà chuyển nhượng cho bên thứ ba thì phải thực hiện nghĩa vụ về thuế theo quy định của pháp luật về thuế.

3. Chính quyền địa phương thực hiện thí điểm mô hình đô thị di sản theo tiêu chí do Chính phủ quy định được quyết định các cơ chế, chính sách ưu đãi về đất đai, phí, lệ phí trên địa bàn đối với hoạt động nhằm mục đích khai thác, phát huy giá trị di sản văn hóa, phát triển công nghiệp văn hóa.

Thời gian thực hiện thí điểm tối đa đến hết năm 2035.

4. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm sau đây:

a) Bố trí quỹ đất cho xây dựng các công trình văn hóa, thể thao, vui chơi giải trí các cấp, không gian trưng bày tác phẩm nghệ thuật tại nơi công cộng, trong đó ưu tiên cấp xã, trong quy hoạch tỉnh, quy hoạch sử dụng đất cấp tỉnh theo quy định của pháp luật về đất đai và quy định khác của pháp luật có liên quan;

b) Ưu tiên bố trí quỹ đất do cơ quan, tổ chức của Nhà nước được giao quản lý, trụ sở công dôi dư để thu hút các dự án đầu tư trong lĩnh vực văn hóa, thể thao; cho tổ chức, cá nhân thuê trụ sở công dôi dư và công trình thuộc sở hữu nhà nước để hoạt động văn hóa, thể thao;

c) Miễn, giảm tiền thuê đất, tiền thuê bất động sản khác là tài sản công đối với nhà xuất bản, cơ sở sản xuất phim tài liệu và khoa học 100% vốn nhà nước trên địa bàn theo quy định của Chính phủ.

5. Chính phủ quy định cơ chế, chính sách đặc thù để thực hiện khoản 3 Điều này.

Điều 6. Cơ chế, chính sách bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa các dân tộc thiểu số, nghệ thuật dân gian, nghệ thuật truyền thống và bảo vật quốc gia, cổ vật quý hiếm

1. Nhà nước bảo đảm nguồn lực tài chính bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc cùng sinh sống trên đất nước Việt Nam và các giá trị văn hóa có nguy cơ mai một, nghệ thuật truyền thống; xây dựng và thực hiện các cơ chế, chính sách đặc thù cho văn hóa các dân tộc thiểu số; phát triển không gian bảo tồn văn hóa, làng, bản, buôn, phum, sóc truyền thống gắn với phát triển du lịch, phát huy vai trò của chủ thể văn hóa tạo sinh kế bền vững.

2. Bảo vật quốc gia, cổ vật quý hiếm có giá trị theo quy định của pháp luật về di sản văn hóa, có nguồn gốc Việt Nam ở nước ngoài được bố trí kinh phí kịp thời sau khi Thủ tướng Chính phủ đồng ý chủ trương mua, đấu giá, đưa về Việt Nam.

3. Nhà nước đầu tư, nâng cấp cơ sở vật chất và bảo đảm hoạt động của đơn vị sự nghiệp công lập đang cung cấp dịch vụ sự nghiệp công thiết yếu là dịch vụ văn hóa, nghệ thuật truyền thống; ưu tiên sự tham gia của các loại hình nghệ thuật truyền thống trong các sự kiện, chương trình nghệ thuật quốc gia, quốc tế phục vụ nhiệm vụ chính trị.

4. Bảo đảm thời lượng phát sóng các chương trình văn hóa, nghệ thuật dân gian, nghệ thuật truyền thống trên hệ thống phát thanh, truyền hình.

5. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

Điều 7. Chính sách đãi ngộ, phát triển tài năng, nhân lực đặc thù về nghề nghiệp trong lĩnh vực văn hóa, nghệ thuật, thể thao

1. Nhà nước có chính sách ưu tiên phát triển tài năng trong lĩnh vực văn hóa, nghệ thuật, thể thao thông qua bồi dưỡng tập trung, chuyên sâu ở trong nước và nước ngoài; bảo đảm điều kiện về cơ sở vật chất, trang thiết bị và chăm sóc sức khoẻ chuyên biệt để phục vụ biểu diễn, luyện tập, nghiên cứu theo hướng đồng bộ, hiện đại đạt chuẩn khu vực và quốc tế gắn với mục tiêu, nhiệm vụ phát triển văn hóa và công nghiệp văn hóa.

2. Cho phép đơn vị sự nghiệp công lập trong lĩnh vực văn hóa, nghệ thuật, thể thao được áp dụng cơ chế tuyển dụng không qua thi tuyển đối với:

a) Người học được đào tạo, tốt nghiệp ở trong nước và nước ngoài thuộc lĩnh vực văn hóa, nghệ thuật, thể thao có thành tích chuyên môn đặc biệt xuất sắc;

b) Vận động viên, nghệ sĩ tài năng đạt huy chương, giải thưởng cấp quốc gia, khu vực, quốc tế.

Người được tuyển dụng theo quy định tại khoản này được hưởng chính sách thu hút, trọng dụng nhân tài theo quy định của pháp luật.

3. Viên chức, người lao động hoạt động đặc thù về nghề nghiệp trong các đơn vị sự nghiệp công lập nghệ thuật biểu diễn, đơn vị nghệ thuật biểu diễn thuộc lực lượng vũ trang được hưởng phụ cấp ưu đãi nghề, chế độ bồi dưỡng luyện tập và biểu diễn theo lộ trình cho đến khi thực hiện chế độ tiền lương mới như sau:

a) Phụ cấp ưu đãi nghề từ mức 40% đến 60% mức lương hiện hưởng cộng với phụ cấp chức vụ lãnh đạo và phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có) đối với viên chức, người lao động hoạt động đặc thù về nghề nghiệp trong loại hình nghệ thuật biểu diễn truyền thống, nghệ thuật biểu diễn cổ điển và xiếc; viên chức, người lao động hoạt động đặc thù về nghề nghiệp làm việc tại khu vực biên giới, hải đảo, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn;

b) Phụ cấp ưu đãi nghề từ mức 20% đến 30% mức lương hiện hưởng cộng với phụ cấp chức vụ lãnh đạo và phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có) đối với viên chức,

người lao động hoạt động đặc thù về nghề nghiệp trong lĩnh vực văn hóa không thuộc các trường hợp quy định tại điểm a khoản này;

c) Chế độ bồi dưỡng luyện tập, bồi dưỡng biểu diễn căn cứ vào vai trò, mức độ tham gia hoạt động trong tác phẩm, chương trình, tiết mục để xác định: chế độ bồi dưỡng luyện tập từ 5% đến 15% mức lương cơ sở cho một buổi luyện tập; chế độ bồi dưỡng biểu diễn (sơ duyệt, tổng duyệt và biểu diễn) từ 15% đến 30% mức lương cơ sở cho một buổi biểu diễn.

4. Nhà nước hỗ trợ kinh phí:

a) Đào tạo lại cho viên chức thuộc các lĩnh vực nghệ thuật truyền thống, xiếc, múa khi hết tuổi nghề được học tập để chuyển đổi vị trí việc làm;

b) Đào tạo, bồi dưỡng nhân lực chất lượng cao cho các ngành công nghiệp văn hóa; nhân lực chuyên sâu về đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, sáng tạo nội dung số về văn hóa; giám tuyển, giám định tác phẩm văn hóa, nghệ thuật, di sản văn hóa.

5. Chính quyền địa phương cấp tỉnh bố trí ngân sách, huy động nguồn lực xã hội để đãi ngộ, hỗ trợ nghệ nhân, nghệ sĩ sáng tạo, thực hành, truyền dạy văn hóa, nghệ thuật dân gian, nghệ thuật truyền thống tại địa phương, trong các trường phổ thông trên địa bàn hoặc tham gia quảng bá văn hóa Việt Nam ra nước ngoài.

6. Chính phủ quy định chi tiết các khoản 2, 3 và 4 Điều này.

Điều 8. Đặt hàng, khoán chi đối với hoạt động sáng tạo văn hóa sử dụng ngân sách nhà nước

1. Nhà nước có cơ chế đặt hàng sáng tạo và phổ biến các công trình, tác phẩm văn hóa, văn học, nghệ thuật có giá trị cao về tư tưởng, nội dung và nghệ thuật.

2. Ngân sách nhà nước được sử dụng như sau:

a) Bảo đảm chi cho các hoạt động sáng tạo trong lĩnh vực văn hóa đối với một số hoạt động sáng tạo sản phẩm văn hóa nhằm bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa nghệ thuật truyền thống, phục vụ đối tượng yếu thế vùng biên giới, hải đảo, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn hoặc sản xuất phim, chương trình nghệ thuật biểu diễn phục vụ nhiệm vụ chính trị quốc gia, Bộ, ngành và địa phương;

b) Hỗ trợ kinh phí sáng tạo, phổ biến các công trình, tác phẩm văn hóa, văn học, nghệ thuật có giá trị cao về tư tưởng, nội dung và nghệ thuật, trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản này.

3. Thí điểm áp dụng cơ chế khoán chi kinh phí từ ngân sách nhà nước đối với các hoạt động quy định tại điểm a khoản 2 Điều này bảo đảm mục tiêu, sản phẩm đầu ra theo yêu cầu chuyên môn của cơ quan có thẩm quyền; áp dụng khoán chi đến sản phẩm cuối cùng hoặc khoán chi từng phần. Trường hợp khoán chi từng phần thì tổ chức, cá nhân giao khoán và nhận giao khoán được tự chủ sử dụng kinh phí trong phạm vi khoán, điều chỉnh nội dung chi phù hợp với yêu cầu thực tế nhưng không vượt quá tổng mức khoán chi. Hình thức khoán chi đến sản

phẩm cuối cùng khi tổ chức, cá nhân nhận giao khoán có cam kết về công trình, tác phẩm với yêu cầu chủ yếu cần đạt được thông qua Hội đồng chuyên môn thẩm định độc lập.

Thời gian thực hiện thí điểm tối đa là 05 năm kể từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành.

4. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

Điều 9. Quảng bá, xúc tiến, phát triển sản phẩm, thị trường công nghiệp văn hóa Việt Nam

1. Nhà nước thực hiện chính sách hỗ trợ, thúc đẩy quảng bá hình ảnh, đất nước, con người Việt Nam thông qua tổ chức Tuần Văn hóa Việt Nam; chương trình giao lưu nghệ thuật, truyền dạy và biểu diễn nghệ thuật truyền thống; dạy tiếng Việt; nhân rộng mô hình khu phố Việt Nam, làng Việt Nam, các mô hình câu lạc bộ văn hóa, võ dân tộc, ẩm thực Việt Nam, học tiếng Việt tại các quốc gia có đông cộng đồng người Việt Nam sinh sống và làm việc.

2. Nhà nước hỗ trợ kinh phí cho doanh nghiệp thực hiện các chương trình quảng bá, giới thiệu, xuất khẩu sản phẩm văn hóa tiêu biểu của Việt Nam ở nước ngoài.

3. Nhà nước hỗ trợ kinh phí xây dựng và thực hiện trưng bày chuyên đề các sưu tập có giá trị tiêu biểu về di sản văn hóa Việt Nam tại các bảo tàng có uy tín trên thế giới phục vụ nhiệm vụ chính trị, quảng bá hình ảnh, đất nước, con người Việt Nam.

4. Nhà nước có chính sách hoàn thuế theo quy định của pháp luật về thuế cho các tổ chức, cá nhân nước ngoài sử dụng dịch vụ quay phim sử dụng bối cảnh tại Việt Nam đối với những bộ phim góp phần quảng bá đất nước, con người, du lịch Việt Nam và theo quyết định của cấp có thẩm quyền.

5. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

Điều 10. Chính sách chuyển đổi số và phát triển hạ tầng văn hóa số

1. Nhà nước ưu tiên đầu tư xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về văn hóa, hạ tầng văn hóa số và nền tảng số dùng chung. Khuyến khích doanh nghiệp đầu tư, phát triển sản phẩm, dịch vụ văn hóa số theo phương thức đối tác công tư.

2. Nhà nước bảo đảm kinh phí để Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện số hóa di sản văn hóa đã được xếp hạng cấp quốc gia, cấp quốc gia đặc biệt.

3. Nhà nước có chính sách hỗ trợ doanh nghiệp trong lĩnh vực công nghiệp văn hóa, tiếp cận và ứng dụng công nghệ tiên tiến vào sản xuất nội dung số, phát triển sản phẩm, dịch vụ văn hóa và bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ trên môi trường số; thu hút đầu tư từ các tập đoàn công nghệ lớn vào hạ tầng số và phát triển các giải pháp công nghệ cao cho văn hóa.

4. Thí điểm các mô hình kinh doanh văn hóa mới gắn với nền tảng số: bảo tàng mở, nhà hát di động, thư viện số và một số loại thiết chế văn hóa số khác theo quy định của Chính phủ.

Thời gian thực hiện thí điểm tối đa là 05 năm kể từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành.

5. Hình thành trung tâm đổi mới sáng tạo văn hóa, sáng tạo nội dung số đặt trong cụm, khu công nghiệp sáng tạo văn hóa, tổ hợp sáng tạo văn hóa, các cơ sở giáo dục đại học, cơ sở giáo dục nghề nghiệp đào tạo ngành hoặc nhóm ngành đặc thù trong lĩnh vực văn hóa, nghệ thuật, thể thao, các trung tâm văn hóa, thể thao cấp tỉnh, cấp xã.

Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có chính sách hỗ trợ đối với các trung tâm đổi mới sáng tạo văn hóa, sáng tạo nội dung số và người sáng tạo nội dung số.

6. Nhà nước bảo đảm cơ sở vật chất, kinh phí ứng dụng công nghệ số, giám sát, rà quét, đánh giá, xử lý thông tin xấu độc, tin giả, sai sự thật để bảo vệ an ninh văn hóa, bản quyền trên môi trường số và chủ quyền văn hóa số.

7. Chính phủ quy định chi tiết các khoản 1, 3 và 5 Điều này.

Điều 11. Quỹ văn hóa, nghệ thuật

1. Nhà nước thí điểm thành lập Quỹ văn hóa, nghệ thuật (sau đây gọi là quỹ) ở trung ương và một số địa phương. Quỹ hoạt động theo mô hình hợp tác công tư, là quỹ đầu tư mạo hiểm, hoạt động theo nguyên tắc thị trường, chấp nhận khả năng rủi ro, bảo đảm công khai, minh bạch, hiệu quả, chống thất thoát, lãng phí vốn.

Thời gian thực hiện thí điểm tối đa đến hết năm 2035.

2. Quỹ ở trung ương do Thủ tướng Chính phủ thành lập, quỹ ở địa phương do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thành lập. Người có thẩm quyền thành lập quỹ quyết định tỷ lệ vốn góp từ ngân sách nhà nước, tổng mức vốn nhà nước trong vốn điều lệ của quỹ phù hợp với tình hình thực tiễn và khả năng huy động nhà đầu tư tham gia thành lập quỹ.

3. Quỹ được cấp vốn điều lệ từ ngân sách trung ương hoặc địa phương, được cấp một lần và được nhận tài trợ, huy động các nguồn vốn hợp pháp khác theo quy định của pháp luật nhằm mục tiêu tài trợ, hỗ trợ, đầu tư cho doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo trong lĩnh vực văn hóa, nghệ thuật; chương trình, dự án văn hóa, nghệ thuật có tính sáng tạo đột phá, có tiềm năng thị trường và khả năng thương mại, khả năng lan tỏa, tác động xã hội mà không được ngân sách nhà nước cấp kinh phí.

4. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

Điều 12. Tổ chức thực hiện

1. Chính phủ hướng dẫn thực hiện Nghị quyết này; định kỳ hằng năm báo cáo Quốc hội về kết quả thực hiện tại Báo cáo về kinh tế - xã hội.

2. Chính phủ, chính quyền địa phương và các đơn vị sự nghiệp công lập được thí điểm áp dụng một số cơ chế, chính sách đặc thù, vượt trội về văn hóa theo thẩm quyền, trường hợp vượt quá thẩm quyền thì xin ý kiến của cấp có thẩm quyền trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều 5 của Nghị quyết này.

3. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch:

a) Là đầu mối chịu trách nhiệm trước Chính phủ thực hiện quản lý nhà nước về công nghiệp văn hóa; chủ trì phối hợp với cơ quan liên quan xây dựng văn bản quy phạm pháp luật về công nghiệp văn hóa trình cơ quan có thẩm quyền;

b) Chủ trì, phối hợp với các Bộ, cơ quan ngang Bộ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố hướng dẫn, theo dõi, đôn đốc, kiểm tra, tổng kết, đánh giá việc thực hiện Nghị quyết này.

4. Chính quyền địa phương cấp tỉnh có trách nhiệm triển khai các giải pháp để phát triển văn hóa tại địa phương.

5. Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Hội đồng Dân tộc, các Ủy ban của Quốc hội, Đoàn đại biểu Quốc hội, đại biểu Quốc hội, Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, đại biểu Hội đồng nhân dân, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Điều 13. Điều khoản thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2026.

2. Trường hợp có quy định khác nhau về cùng một vấn đề giữa Nghị quyết này với luật, nghị quyết khác của Quốc hội thì áp dụng quy định của Nghị quyết này, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này.

3. Trường hợp văn bản khác có quy định cơ chế, chính sách ưu đãi hơn quy định của Nghị quyết này thì đối tượng hưởng ưu đãi được áp dụng cơ chế, chính sách đó.

Nghị quyết này được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XVI, Kỳ họp thứ Nhất thông qua ngày 24 tháng 4 năm 2026.

CHỦ TỊCH QUỐC HỘI

QUỐC HỘI NƯỚC CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM

Trần Thanh Mẫn